

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 18.096,40 km², là một trong những địa phương có diện tích lớn của cả nước, sở hữu nguồn tài nguyên du lịch phong phú, hội tụ đặc trưng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với đường bờ biển dài khoảng 189 km. Toàn tỉnh có dân số hơn 3,3 triệu người, với 49 dân tộc cùng sinh sống, cư trú tại 102 đơn vị hành chính cấp xã, phường (88 xã và 14 phường), trong đó có 2.372 thôn đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 704 thôn đặc biệt khó khăn và 81 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2026–2030 (gồm 6 xã khu vực I, 16 xã khu vực II, 51 xã khu vực III).

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên được UNESCO ghi danh trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, gắn chặt với đời sống cộng đồng, tín ngưỡng, nghi lễ và cấu trúc xã hội truyền thống. Trong bối cảnh biến đổi kinh tế – xã hội, đô thị hóa, di cư lao động, đội ngũ nghệ nhân ngày càng già hóa, suy giảm lực lượng kế cận, sự thu hẹp không gian thực hành di sản trong cộng đồng, giao thoa văn hóa và tác động của thị trường, di sản đang đối mặt nguy cơ mai một, biến dạng và đứt gãy truyền nối, nếu thiếu cơ chế hỗ trợ đủ mạnh, ổn định và đúng trọng tâm.

Bối cảnh quốc tế và khu vực, xu hướng chính sách hiện nay nhấn mạnh cách tiếp cận bảo vệ di sản gắn với phát triển bền vững, lấy cộng đồng làm trung tâm, tăng cường quản lý di sản, giáo dục thế hệ trẻ và ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản. ASEAN cũng tăng cường hợp tác trong lĩnh vực di sản văn hóa, yêu cầu chuẩn hóa quy trình, tiêu chí và dữ liệu, qua đó đặt ra yêu cầu đối với chính sách địa phương phải ngày càng đồng bộ, chuyên nghiệp và hiệu quả; Công ước UNESCO năm 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể khẳng định di sản là nền tảng của đa dạng văn hóa và là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững; đồng thời cảnh báo nguy cơ suy giảm, biến mất di sản nếu không có chính sách và nguồn lực bảo vệ phù hợp.

Trong nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam¹, coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực của phát triển bền vững. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 xác định nhiệm vụ trọng tâm là bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, tăng cường nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa.

Luật Di sản văn hóa năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025); Nghị định số 215/2025/NĐ-CP; Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ đã tạo hành lang pháp lý mới, đầy đủ và thống nhất cho công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó quy định rõ chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, người thực hành tham gia tích cực vào hoạt động thực hành, trao truyền, tái tại di sản văn hóa; hỗ trợ các câu lạc bộ, đội, nhóm thực hành; bảo vệ không gian văn hóa liên quan và đẩy mạnh tư liệu hóa, số hóa di sản. Các quy định này đồng thời nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện công tác bảo tồn di sản tại cộng đồng.

Về phía tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua đã quan tâm ban hành và triển khai nhiều nghị quyết, chính sách về bảo tồn và phát huy không gian văn hóa cộng đồng²; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, truyền dạy, phục dựng nghi lễ; tôn vinh nghệ nhân; hỗ trợ đội, nhóm, câu lạc bộ cộng đồng; lồng ghép quảng bá di sản trong các hoạt động văn hóa, du lịch và đối ngoại. Các hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, gìn giữ bản sắc văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai cho thấy công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cộng đồng trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều bất cập, khó khăn, hạn chế chủ yếu như sau:

- Đội ngũ nghệ nhân phần lớn đã cao tuổi; lực lượng kế cận chưa đồng đều giữa các địa bàn; nhiều kỹ năng đặc thù như chỉnh chiêng, chế tác, phục hồi nhạc

¹ Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quyết định số 2215/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; Quyết định số 1669/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025; Quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 08/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1909/QĐ TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030

² Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND ngày 13/7/2007 về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa cộng đồng Đắk Lắk, giai đoạn 2007-2010; Nghị quyết số 63/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 về bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2012-2015; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 về bảo tồn, phát huy văn hóa cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 về bảo tồn, phát huy văn hóa cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy văn hóa cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022 - 2025

cụ và nắm giữ các nghi thức thực hành tín ngưỡng trong nghi lễ truyền thống có nguy cơ mai một do chưa được truyền dạy kịp thời, bài bản.

- Di sản văn hóa phi vật thể chưa được nghiên cứu, đánh giá đầy đủ và đảm bảo tính thống nhất; Không gian thực hành di sản tại các buôn, làng bị thu hẹp; thiết chế văn hóa, địa điểm sinh hoạt cộng đồng và điều kiện bảo quản công chiêng chưa đáp ứng yêu cầu; kinh phí duy trì hoạt động thực hành di sản định kỳ còn hạn chế.

- Phần lớn thế hệ trẻ hiện nay quan tâm đến các thể loại nhạc trẻ, nhạc mới, nhạc hiện đại. Trong khi đó một số loại hình như trình diễn công chiêng, diễn xướng dân ca, dân vũ, hát kể khan, sử thi đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh chưa được quan tâm, tôn vinh xứng tầm; Trong những năm qua, tại các địa phương số lượng các câu lạc bộ, đội nhóm văn nghệ truyền thống đã được thành lập tương đối nhiều³. Một số đội công chiêng do xã, phường vận động thành lập có hỗ trợ cấp bộ chiêng và trang phục tuy nhiên cũng chỉ hoạt động cầm chừng, không hiệu quả, do nguồn kinh phí để duy trì hoạt động chủ yếu do các thành viên tự đóng góp; việc hỗ trợ kinh phí của nhà nước cho hoạt động của các đội văn nghệ dân gian dân tộc, câu lạc bộ dân ca, dân vũ hầu như không có; thiếu kinh phí để mua sắm thêm trang thiết bị, trang phục đạo cụ luyện tập khác; thiếu kinh phí để truyền dạy, giao lưu, tham gia liên hoan, hội thi, hội diễn nên các hội viên không nhiệt tình, ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống từ cộng đồng dẫn đến các bài chiêng truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một, thất truyền.

- Công tác tư liệu hóa, số hóa di sản còn phân tán, thiếu cơ sở dữ liệu đồng bộ; chưa có quy trình quản trị dữ liệu bảo đảm sự đồng thuận của cộng đồng và bảo vệ các yếu tố nhạy cảm trong nghi lễ truyền thống.

- Việc phát huy khả năng trình diễn, diễn xướng, yếu tố văn hóa truyền thống đặc trưng của các Câu lạc bộ, đội văn nghệ truyền thống phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mà trọng tâm là phát triển kinh tế du lịch chưa được các địa phương, doanh nghiệp và người dân quan tâm, chú trọng.

Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu đổi mới quản trị nhà nước đặt ra đòi hỏi phải tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, trong đó có công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ yếu tố gốc và hỗ trợ công tác truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Với mục tiêu tạo cơ sở pháp lý đối với việc quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng như hỗ trợ nghệ nhân kinh phí truyền dạy, hỗ trợ câu lạc bộ, đội văn nghệ các trang thiết bị nhạc cụ, đạo cụ, kinh phí duy trì tập luyện; hỗ trợ tôn tạo, nâng cấp các kiến trúc nhà dài, không gian sinh hoạt văn hóa góp phần bảo tồn và khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống tránh bị mai một, thất truyền.

³ Báo cáo thống kê năm 2024 của Sở VH-TTDL có 481 câu lạc bộ, đội văn nghệ được thành lập

Thực tế trên đòi hỏi một cơ chế, chính sách mang tính đặc thù để hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho các nghệ nhân, hạt nhân phong trào tại cơ sở tham gia vào các hoạt động của đội văn nghệ dân gian tiêu biểu nhằm ngăn chặn sự mai một và nguy cơ thất truyền các giá trị văn hóa truyền thống quý báu, khơi dậy niềm tự hào về văn hóa dân gian, truyền thống của dân tộc mình; nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng; tạo dựng cơ sở vững chắc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định các chính sách chi ngân sách mang tính đặc thù của địa phương, phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.

Từ các cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp, nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội và giữ gìn bản sắc văn hóa của tỉnh.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Tạo hành lang pháp lý đặc thù để bảo tồn bền vững di sản theo khung pháp luật mới, lấy cộng đồng làm chủ thể, giữ gìn tối đa yếu tố gốc của di sản; đảm bảo tính kế thừa, lâu dài, thường xuyên, liên tục trong việc thực hiện mục tiêu bảo tồn, gìn giữ và phát huy có hiệu quả Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo nội dung đã cam kết trong hồ sơ đệ trình UNESCO ghi danh trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động, tháo gỡ khó khăn trong phục hồi, bảo tồn di sản đặc biệt là công tác truyền dạy, trao truyền di sản trong cộng đồng và các câu lạc bộ đội văn nghệ truyền thống; tạo điều kiện, khuyến khích cho các câu lạc bộ hoạt động ổn định, phát triển bền vững, tích cực tham gia công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của cộng đồng

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Củng cố, phát triển đội ngũ nghệ nhân và lực lượng kế cận; bảo vệ và truyền dạy các kỹ năng, tri thức đặc thù liên quan đến thực hành công chiêng và nghi lễ truyền thống.

- Bảo vệ và từng bước phục hồi không gian thực hành di sản; nâng cao hiệu quả sử dụng thiết chế văn hóa, cải thiện điều kiện sinh hoạt và bảo quản công chiêng tại cộng đồng.

- Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ đội, nhóm, câu lạc bộ công chiêng theo hướng có trọng tâm, gắn với hiệu quả hoạt động, khuyến khích các địa bàn phục hồi và duy trì sinh hoạt công chiêng thường xuyên.

- Đẩy mạnh công tác tư liệu hóa, số hóa di sản văn hóa công chiêng; xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, phục vụ quản lý nhà nước, giáo dục di sản và bảo vệ quyền, lợi ích của cộng đồng – chủ thể di sản.

- Phát huy giá trị di sản gắn với du lịch cộng đồng theo nguyên tắc tôn trọng yếu tố gốc, có sự đồng thuận của cộng đồng và bảo đảm cơ chế chia sẻ lợi ích hài hòa, bền vững.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1. Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể thực hành và truyền dạy di sản

1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Xác định vấn đề

Theo số liệu thống kê, năm 2020 toàn tỉnh có 3.855 nghệ nhân/chủ thể thực hành; đến năm 2025 còn 3.749 nghệ nhân/chủ thể thực hành đang nắm giữ các loại hình di sản văn hóa phi vật thể. Trong tổng số nêu trên, có 55 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, trong đó 12 nghệ nhân đã từ trần. Năm 2025, tỉnh đã hoàn thiện và trình 46 bộ hồ sơ đề nghị công nhận Nghệ nhân nhân dân và Nghệ nhân ưu tú (đợt 4 năm 2025) gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định⁴.

Nghệ nhân/chủ thể thực hành là lực lượng nòng cốt trực tiếp sáng tạo, lưu giữ, truyền dạy, thực hành và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể qua các thế hệ; có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đa số nghệ nhân hiện nay đã cao tuổi, sức khỏe suy giảm, số lượng có xu hướng giảm; việc duy trì truyền dạy và thực hành di sản cho thế hệ kế cận còn nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, các chính sách trước đây thiếu định mức cụ thể, rõ ràng về chi trả và huy động nghệ nhân tham gia tập luyện, truyền dạy, dẫn đến lúng túng khi tổ chức thực hiện ở cơ sở. Mặc dù đã có Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND quy định hỗ trợ đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nhưng hiện vẫn thiếu cơ chế hỗ trợ thù lao cho nhóm nghệ nhân “dân gian” chưa có danh hiệu khi tham gia truyền dạy, tạo ra khoảng trống chính sách, chưa đủ sức khuyến khích, thu hút.

Đội ngũ nghệ nhân am hiểu sâu về nghi lễ đang già hóa nhanh; nhiều người qua đời khi chưa kịp truyền dạy tri thức, bí quyết, kỹ năng. Trong khi đó, một bộ phận thanh niên dân tộc thiếu số ít quan tâm, thậm chí xem nhẹ văn hóa truyền thống do tác động của lối sống hiện đại và các phương tiện giải trí mới.

Qua tổng kết thực tiễn và rà soát cơ chế hỗ trợ hiện hành, các nhóm bất cập chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

⁴ Đắc Lắc (cũ) 38 hồ sơ nghệ nhân ưu tú; Phú Yên (trước đây): 01 nghệ nhân nhân dân và 07 nghệ nhân ưu tú. Trong đó có 21 nghệ nhân dân gian liên quan đến di sản văn hoá phi vật thể công chiêng.

- Suy giảm và già hóa đội ngũ nghệ nhân; lực lượng kế cận phát triển chưa đồng đều giữa các buôn, làng; tiềm ẩn nguy cơ mai một các kỹ năng đặc thù (chính chiêng, chế tác/phục hồi nhạc cụ, nắm giữ bài bản nghi lễ và tri thức gắn với không gian thực hành).

- Hoạt động truyền dạy thiếu ổn định, chưa thường xuyên; nhiều địa phương phụ thuộc vào dự án/sự kiện; điều kiện tổ chức lớp học và sinh hoạt thực hành còn hạn chế; cơ chế hỗ trợ hiện nay chưa đủ tạo động lực để nghệ nhân duy trì truyền dạy liên tục.

- Cơ chế hỗ trợ còn bình quân, dàn trải, chưa gắn với tiêu chí và kết quả; thiếu công cụ đánh giá đầu ra phù hợp đặc thù di sản phi vật thể (thiên về thủ tục, chưa phản ánh đầy đủ chất lượng kỹ năng, bài bản, nghi lễ).

- Chưa có khung quy trình bảo đảm quyền chủ thể và bảo vệ yếu tố gốc trong truyền dạy và tư liệu hóa (ghi chép, ghi âm/ghi hình); tiềm ẩn nguy cơ sân khấu hóa, giản lược hoặc sai lệch nội dung thiêng trong nghi lễ.

- Một số khâu thủ tục còn rườm rà, phân cấp chưa thật hợp lý, có thể làm chậm tiến độ tổ chức lớp truyền dạy và ảnh hưởng hiệu quả thực hiện.

Vì vậy, việc ban hành và triển khai chính sách kịp thời sẽ tạo động lực, khích lệ thiết thực đối với nghệ nhân/chủ thể thực hành; giúp đội ngũ yên tâm tiếp tục truyền dạy, thực hành, trao truyền di sản; góp phần hạn chế nguy cơ mai một, thất truyền, nhất là đối với các kỹ năng đặc thù.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Chính sách hướng tới xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp; trước mắt ưu tiên chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng ngày công cho nghệ nhân/chủ thể trực tiếp truyền dạy, thực hành di sản. Đồng thời, thực hiện thăm hỏi, động viên Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú và nghệ nhân tiêu biểu vào dịp Kỷ niệm Ngày Di sản văn hóa Việt Nam và Tết Nguyên đán hàng năm nhằm ghi nhận đóng góp, khích lệ tinh thần để nghệ nhân tiếp tục cống hiến.

Mục tiêu cụ thể:

Củng cố đội ngũ nghệ nhân và chủ thể thực hành, bảo đảm lực lượng nòng cốt truyền dạy và thực hành tại cộng đồng; từng bước hình thành lực lượng kế cận tại các địa bàn trọng điểm.

Thiết lập cơ chế hỗ trợ truyền dạy thường xuyên, ổn định; ưu tiên kỹ năng đặc thù và bài bản nghi lễ; nâng cao chất lượng và tính bền vững của hoạt động truyền nối liên thế hệ.

Đổi mới phương thức hỗ trợ theo tiêu chí và kết quả, bảo đảm công khai, minh bạch; khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải; tạo động lực cho nghệ nhân và người học.

Bảo đảm nguyên tắc bảo vệ yếu tố gốc và quyền chủ thể; thực hiện cơ chế đồng thuận cộng đồng, quản trị nội dung nhạy cảm trong nghi lễ và tri thức bản địa trong quá trình truyền dạy, tư liệu hóa.

Đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện; phân cấp phù hợp, bảo đảm kịp thời về kinh phí và tiến độ.

1.2. Giải pháp đề xuất và đánh giá tác động

Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nghệ nhân phong tặng danh hiệu theo Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND (hỗ trợ hàng tháng cho các nghệ nhân được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân và nghệ nhân ưu tú; nghệ nhân của tỉnh tham gia hoạt động hàng ngày tại Làng văn hoá các dân tộc Việt Nam).

- Tác động pháp luật: Không làm phát sinh chi phí. Tuy nhiên việc không quy định mức chi dẫn đến công tác tổ chức khó thống nhất trong toàn tỉnh, có thể xảy ra tình trạng phân biệt, không công bằng trong công tác tổ chức và định mức chi trả cho nghệ nhân giữa các địa phương.

- Tác động kinh tế - xã hội: Thiếu nguồn lực ổn định; lớp truyền dạy phụ thuộc “nhiệt huyết” từng nơi; nguy cơ không đạt chỉ tiêu tối thiểu 1 lớp/xã/năm. Không đủ sức thu hút thế hệ trẻ; nghệ nhân không có thù lao truyền dạy thực tế dẫn đến đứt gãy trao truyền.

Giải pháp 2 (lựa chọn): Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nghệ nhân theo Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND và bổ sung chính sách hỗ trợ các nghệ nhân, người thực hành di sản tại các lớp truyền dạy, tái hiện phục dựng các nghi lễ lễ hội tiêu biểu và các nghi lễ, lễ hội có nguy cơ mai một, thất truyền, các nội dung cụ thể:

- Hỗ trợ tổ chức lớp truyền dạy, thực hành và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng và các trường tiểu học, trung học cơ sở và các trường phổ thông dân tộc nội trú tại vùng di sản có hoạt động thực hành di sản (đánh chiêng, chỉnh chiêng; chế tác, phục hồi nhạc cụ; múa xoang; phục dựng, tái hiện nghi lễ; diễn xướng, trình diễn di sản).

+ Mỗi lớp không quá 30 buổi; tối đa 03 nghệ nhân/lớp (gồm 01 nghệ nhân phụ trách chính; 02 nghệ nhân phụ đối với lớp có từ 02 nội dung trở lên).

+ Hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại cho học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia lớp truyền dạy trực tiếp tại cộng đồng: mức hỗ trợ tối đa 80.000 đồng/người/ngày. Đối với các trường hợp khác thực hiện theo điểm b, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Mức chi thù lao, hỗ trợ đối với nghệ nhân, người thực hành di sản tham gia giảng dạy, hướng dẫn, truyền dạy thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hỗ trợ tổ chức phục dựng, tái hiện nghi lễ, lễ hội truyền thống của cộng đồng dân cư; ưu tiên các nghi lễ, lễ hội có nguy cơ mai một, thất truyền; bảo đảm tôn trọng chủ thể văn hóa, phù hợp phong tục tập quán, không sân khấu hóa làm biến dạng di sản. (Đối với vật tư, lễ vật, đạo cụ, mô hình, nhạc cụ do cộng đồng tự chế tác, chuẩn bị phục vụ phục dựng/tái hiện: thanh toán theo ngày công, mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/ngày. Đối với sản vật mua sắm trong dân, thực hiện

thanh toán theo giá thị trường tại thời điểm mua, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: cụ thể hoá Luật di sản văn hoá và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật di sản văn hoá tại địa phương, cụ thể:

+ Rõ căn cứ để lập dự toán, thanh quyết toán, giám sát chi. Định hướng này phù hợp với các nguyên tắc và chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa theo Luật Di sản văn hóa, có hiệu lực từ 01/7/2025.

+ Các giải pháp về truyền dạy, thực hành, tư liệu hóa và quản trị nội dung nhạy cảm (nghi lễ, tri thức bản địa) phù hợp định hướng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo Nghị định 215/2025/NĐ-CP (hiệu lực từ ngày 17/9/2025) và Nghị định 308/2025/NĐ-CP (hiệu lực từ ngày 15/1/2026).

+ Tạo cơ sở pháp lý đối với quy định hỗ trợ kinh phí cho các nghệ nhân dân gian, người thực hành di sản, chủ thể văn hoá tham gia các hoạt động truyền dạy, học tập và thực hành các loại hình di sản văn hoá phi vật thể gắn với không gian văn hoá cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với điều kiện của tỉnh. Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách hàng năm.

- Tác động về kinh tế - xã hội

+ Tác động về kinh tế: việc quy định chính sách này sẽ làm phát sinh nguồn ngân sách hàng năm của tỉnh. Tuy nhiên đây là cơ sở để các địa phương dự kiến nguồn lực phân bổ hàng năm và giai đoạn để đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy di sản tại địa phương.

Việc bố trí kinh phí và tổ chức chi trả phải tuân thủ quy định về lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách, bảo đảm đúng nhiệm vụ chi, đúng định mức, công khai và có chứng từ theo Luật Ngân sách nhà nước 2015 (số 83/2015/QH13) và văn bản hướng dẫn thi hành (trong đó có Nghị định 163/2016/NĐ-CP).

Khi áp dụng cơ chế mức nền tối đa hoặc tối thiểu, phải kèm tiêu chí rõ ràng định mức chi, điều kiện thanh toán, hồ sơ quyết toán, tiêu chí đầu ra, không hưởng trùng, để bảo đảm tính hợp lệ của chi ngân sách và thuận lợi cho công tác kiểm tra, kiểm toán. Với cấu trúc nêu trên, phù hợp triển khai giai đoạn 2026 - 2030 vì vừa bảo đảm duy trì mức tối đa, vừa tạo động lực nâng cao chất lượng và hiệu quả truyền dạy, hạn chế tình trạng hỗ trợ bình quân, dàn trải.

+ Tác động về xã hội

Tác động đối với cộng đồng và đời sống văn hóa cơ sở: Chính sách góp phần khôi phục và duy trì sinh hoạt văn hóa truyền thống tại buôn, làng (lớp truyền dạy, sinh hoạt đội/nhóm, thực hành định kỳ), từ đó tăng tính gắn kết cộng đồng và củng cố nền tảng văn hóa cơ sở. Việc hỗ trợ theo kế hoạch hàng năm giúp hoạt động truyền dạy không phụ thuộc vào dự án/sự kiện, tạo nhịp sinh hoạt văn hóa ổn định.

Tác động đối với nghệ nhân và chủ thể thực hành: Tạo động lực tinh thần và vật chất để nghệ nhân yên tâm tham gia truyền dạy, thực hành, nhất là nhóm nghệ nhân lớn tuổi, thu nhập thấp. Nâng cao vị thế xã hội của nghệ nhân trong cộng đồng; tăng sự ghi nhận đối với đóng góp trong bảo tồn di sản, góp phần hạn chế tình trạng “đứt gãy” truyền nối do thiếu người dạy.

Tác động đối với thế hệ trẻ và nguồn nhân lực kế cận: Khuyến khích thanh thiếu niên tham gia học tập, thực hành di sản; hình thành lực lượng kế cận tại địa bàn trọng điểm; Tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, giúp giảm nguy cơ lệch chuẩn hành vi ở thanh thiếu niên (nhàn rỗi, thiếu sân chơi), đồng thời bồi đắp niềm tự hào, ý thức giữ gìn bản sắc.

Tác động đối với bảo tồn bản sắc văn hóa và sự đa dạng văn hóa: Góp phần bảo vệ yếu tố gốc, nhất là các kỹ năng đặc thù và tri thức nghi lễ; hạn chế nguy cơ mai một/thất truyền; Khi có quy trình đồng thuận cộng đồng và quản trị nội dung nhạy cảm, chính sách giúp giảm rủi ro “sân khấu hóa”, làm sai lệch hoặc thương mại hóa phần thiêng của di sản.

- Tác động về giới

Không tạo bất bình đẳng giới. Các hoạt động đều hướng đến cộng đồng, thu hút mọi đối tượng, tầng lớp, các thế hệ tại địa phương tham gia hoạt động tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó cộng đồng.

Tác động đối với trật tự xã hội và quan hệ cộng đồng: Tăng đồng thuận xã hội khi có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch, có xác nhận và giám sát của cộng đồng; Khi hoạt động thực hành được duy trì bền vững, có thể tạo điều kiện hình thành sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch, tạo sinh kế cho cộng đồng có thực hành di sản.

- Thủ tục hành chính: Không làm phát sinh TTHC mới mới đối với công dân; phát sinh hồ sơ nội bộ (kế hoạch lớp, danh sách học viên, quyết toán, nhật ký).

2. Chính sách 2: Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và duy trì hoạt động các câu lạc bộ/đội/nhóm thực hành di sản văn hóa phi vật thể

2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Xác định vấn đề

- Suy giảm số lượng bộ công chiêng trong cộng đồng: theo số liệu thống kê, năm 2011 toàn tỉnh có khoảng 2.307 bộ chiêng; năm 2020 toàn tỉnh có 2.098 bộ chiêng. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011 - 2024, số lượng công chiêng trong cộng đồng giảm mạnh từ 2.307 bộ xuống còn 1.515 bộ, tương ứng giảm 34,3%. Thực trạng này cho thấy nguồn “tư liệu sống” phục vụ thực hành và truyền dạy di sản đang thu hẹp nhanh, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì sinh hoạt công chiêng tại cơ sở.

- Nguyên nhân chủ yếu: tác động của quá trình phát triển kinh tế – xã hội, thay đổi tín ngưỡng trong bối cảnh hội nhập làm biến đổi đời sống cộng đồng; ở một số nơi, công chiêng giảm dần ý nghĩa linh thiêng, phát sinh tình trạng mua bán, trao đổi vì mục đích khác; Nhiều bộ chiêng bị hư hỏng do sử dụng lâu năm,

điều kiện bảo quản hạn chế; phát sinh tình trạng mất cắp, hủy hoại, dẫn đến suy giảm về số lượng và chất lượng; Một số buôn, làng chưa được trang bị chiêng, phải thuê, mượn để tập luyện và tham gia hội thi, hội diễn, liên hoan; việc này vừa tốn kém, vừa bị động, không bảo đảm tính thường xuyên của hoạt động thực hành.

- Thiếu hụt trang phục truyền thống, ảnh hưởng chất lượng thực hành di sản Trang phục truyền thống gắn với hoạt động trình diễn, diễn tấu công chiêng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Tuy nhiên, hiện nay trang phục truyền thống giảm mạnh về số lượng, ít được sử dụng trong các sự kiện quan trọng của cộng đồng và địa phương. Nguyên nhân chủ yếu gồm:

Thế hệ trẻ chưa quan tâm đúng mức; xu hướng sử dụng trang phục hiện đại hoặc trang phục cải biên làm biến đổi kiểu dáng, hoa văn truyền thống. Bên cạnh đó, chi phí dệt may thủ công cao, người dân khó tiếp cận, dẫn đến hạn chế sử dụng. Việc thiếu trang phục truyền thống làm giảm tính trang trọng, tính nguyên gốc và giá trị biểu đạt văn hóa trong các không gian thực hành công chiêng.

Sự thiếu hụt công chiêng và trang phục truyền thống đang là rào cản trực tiếp đối với việc duy trì hoạt động của các câu lạc bộ/đội/nhóm; nếu không có chính sách hỗ trợ kịp thời, nguy cơ gián đoạn sinh hoạt, mai một thực hành di sản ở cấp cơ sở sẽ gia tăng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm điều kiện tối thiểu về trang thiết bị (công chiêng, nhạc cụ, đạo cụ) và trang phục truyền thống để các buôn, đội chiêng, đội văn nghệ duy trì tập luyện thường xuyên, tham gia sinh hoạt văn hóa công chiêng tại cộng đồng.

Góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên, tăng khả năng thực hành liên tục trong đời sống cộng đồng, hạn chế tình trạng phải thuê mượn, bị động.

Thúc đẩy việc sử dụng trang phục truyền thống phổ biến hơn; nâng cao lòng tự hào và ý thức bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống; góp phần thực hiện mục tiêu Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” (Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL ngày 18/01/2019).

2.2. Giải pháp đề xuất và đánh giá tác động

Giải pháp 1. Tiếp tục hỗ trợ mua sắm cấp cho các Câu lạc bộ, đội văn nghệ theo đề xuất của địa phương như các Nghị quyết và không hỗ trợ kinh phí duy trì hàng năm như giai đoạn trước.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không phát sinh quy định mới; khó tạo cơ sở pháp lý ổn định để bố trí dự toán nhiều năm.

- Tác động kinh tế - xã hội: Nguồn lực phân bổ dàn trải, thiếu sự duy trì thường xuyên khiến nhiều bộ chiêng cấp về không được sử dụng hiệu quả

- Thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới

Giải pháp 2 (lựa chọn):

- Hỗ trợ một lần đối với câu lạc bộ/đội/nhóm công chiêng tại cộng đồng, đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị quyết này, cụ thể:

Mức hỗ trợ thành lập mới: 30.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội/nhóm (một lần) theo điểm a khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ. **Hoặc** Hỗ trợ mua sắm một lần các trang thiết bị cơ bản phù hợp cho từng loại hình câu lạc bộ, đội văn nghệ truyền thống (Bộ chiêng đồng, nhạc cụ dân gian, trang phục, đạo cụ...): theo nhu cầu thực tế và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, trên cơ sở hồ sơ được thẩm định; Trang thiết bị được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý.

Mức hỗ trợ tối đa: 150.000.000 đồng/câu lạc bộ của xã, phường; 100.000.000 đồng/ câu lạc bộ/đội/nhóm tại các buôn/làng.

Trường hợp đã được hỗ trợ từ nguồn khác thì chỉ xem xét hỗ trợ phần còn thiếu, không trùng lặp.

- Hỗ trợ duy trì hoạt động thường xuyên hằng năm đối với câu lạc bộ/đội/nhóm thực hành di sản, bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị quyết này; có kế hoạch hoạt động hằng năm; duy trì lực lượng tham gia và tổ chức tập luyện định kỳ; có nhật ký hoạt động; tham gia ít nhất 02 hoạt động trình diễn/điễn xướng tại các chương trình văn hóa, văn nghệ ở địa phương; kết nạp tối thiểu 05 thành viên mới/năm và tổ chức hoạt động tập luyện, trao truyền tạo lực lượng kế cận.

Mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/năm/câu lạc bộ/đội/nhóm (thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tăng tính rõ ràng về thẩm quyền/điều kiện hỗ trợ; gắn trách nhiệm phê duyệt tại cấp xã/phường với hoạt động CLB/đội văn nghệ.

Chính sách có nội dung trọng tâm là bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, ưu tiên đối tượng là cộng đồng dân tộc thiểu số và di sản có nguy cơ mai một; định hướng này phù hợp với chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa, đặc biệt yêu cầu bảo đảm tính nguyên gốc, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể di sản.

Chính sách không làm thay đổi tiêu chuẩn, quy trình công nhận di sản hay danh hiệu; do đó tác động pháp lý chủ yếu là bổ sung cơ chế hỗ trợ ở địa phương, phù hợp với thẩm quyền ban hành chính sách của HĐND/UBND theo quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tác động về kinh tế - xã hội

+ Tác động về kinh tế: Việc quy định chính sách này sẽ làm phát sinh nguồn ngân sách hằng năm của tỉnh. Dự kiến kinh phí thực hiện cho cả giai đoạn là 35.350.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó:

Kinh phí hỗ trợ một lần (hỗ trợ ban đầu) trực tiếp cho xã, phường có 01 câu lạc bộ văn hoá dân gian trình diễn các loại hình di sản văn hoá phi vật thể gắn với công chiêng và mỗi xã/phường chọn 1-2 thôn buôn tiêu biểu để thành lập đội văn

nghệ công chiêng. Kinh phí mua sắm trang thiết bị di sản như: bộ chiêng đồng, bộ chiêng Kram, các nhạc cụ dân gian truyền thống, âm thanh, loa mic, đạo cụ, nhạc cụ, thiết bị, trang phục,...). Trang thiết bị được hỗ trợ do UBND cấp xã, phường quản lý: 28.350.000.000 đồng - *Hai mươi sáu tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng/thực hiện trong 5 năm, giai đoạn 2026 -2030.*

Kinh phí hỗ trợ hằng năm duy trì hoạt động cho 01 câu lạc bộ/đội văn nghệ theo Quyết định của Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để tham gia, tổ chức các hoạt động bảo tồn di sản trong cộng đồng và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ các cấp và phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn, truyền dạy. (Mỗi xã, phường hỗ trợ tối đa 03 câu lạc bộ dân gian, đội văn nghệ truyền thống gắn với công chiêng tiêu biểu do UBND xã lựa chọn): dự kiến khoảng 7000.000.000 đồng/5 năm, giai đoạn 2026 -2030, bình quân 1.400.000.000 đồng/năm.

Nguồn kinh phí được hỗ trợ tháo gỡ một phần khó khăn cho các câu lạc bộ, đội văn nghệ, góp phần động viên tinh thần và khuyến khích cho các câu lạc bộ, đội văn nghệ, phát triển bền vững, tích cực tham gia bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của cộng đồng.

Nâng cao vai trò định hướng của nhà nước trong công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh. Để có căn cứ pháp lý thì cần thiết phải có quy định cụ thể đảm bảo cho triển khai hoạt động này.

+ Tác động về xã hội

Đảm bảo hoạt động khích lệ, động viên, thúc đẩy phong trào văn hóa văn nghệ tại cơ sở; tạo điều kiện khuyến khích sự tham gia của các chủ thể văn hóa trong việc bảo tồn, phục dựng các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền.

Cụ thể hóa các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như các nhiệm vụ trọng tâm trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển đời sống kinh tế và phát triển du lịch của tỉnh trong thời gian tới.

Xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần trong các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ đã đề ra.

+ Tác động giới: Không có tác động về giới do các câu lạc bộ, đội văn nghệ được thành lập trên cơ sở các thành viên tham gia tự nguyện, không phân biệt lứa tuổi, các nội dung sinh hoạt bao gồm nhiều thể loại như đánh chiêng, dân ca, múa xoang, hát kể khan sử thi

+ Tác động thủ tục hành chính: Không hình thành TTHC mới cho người dân theo nghĩa thủ tục hành chính bắt buộc; chủ yếu là quy trình nội bộ phê duyệt danh mục/đề xuất hỗ trợ của cộng đồng tại UBND xã/phường

3. Chính sách 3. Chính sách hỗ trợ sửa chữa, cải tạo không gian thực hành di sản văn hóa công chiêng trong cộng đồng

3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Xác định vấn đề

Để bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên một cách hiệu quả, bền vững, cộng đồng phải có không gian thực hành phù hợp nhằm duy trì sinh hoạt, trình diễn và diễn tấu công chiêng gắn với phong tục, tập quán truyền thống. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy không gian văn hóa công chiêng đang chịu tác động mạnh và có nguy cơ thu hẹp, biến dạng do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tác động của quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa và cơ chế thị trường làm thay đổi mô hình cư trú, lối sống và tập quán sinh hoạt; một số giá trị truyền thống bị giản lược hoặc thay thế.

- Do đời sống khó khăn, một số gia đình đã phải bán nhà dài, chiêng, ché để giải quyết nhu cầu sinh kế, làm mất đi môi trường diễn xướng nguyên bản. Sự giao thoa văn hóa khiến phần lớn Nhà dài truyền thống bị thay thế dần bởi nhà xây kiên cố, dẫn đến giảm mạnh các địa điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng và thực hành công chiêng đúng không gian, bối cảnh. Theo tổng hợp báo cáo năm 2024 tỉnh hiện có 5.611 nhà dài; tuy nhiên số lượng có xu hướng giảm, chất lượng nhiều nơi xuống cấp, không đủ điều kiện tổ chức sinh hoạt. Việc hỗ trợ sửa chữa nhà dài của các hộ gia đình bằng ngân sách nhà nước đòi hỏi cơ chế cam kết đầy đủ để đảm bảo ngôi nhà được sửa chữa, tôn tạo phục vụ mục đích chung là bảo tồn kiến trúc văn hóa truyền thống tại cộng đồng và kết nối với địa phương, doanh nghiệp phục vụ các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt cộng đồng nếu có yêu cầu.

- Một số nghi lễ, lễ hội truyền thống chưa được phục dựng, tái hiện kịp thời, nguy cơ mai một tăng lên. Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh hiện có 71 lễ hội truyền thống, trong đó nhiều lễ hội cần được củng cố điều kiện không gian, cơ sở vật chất để duy trì bền vững.

Những bất cập nêu trên làm giảm khả năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng, suy yếu tính liên tục của thực hành di sản, tác động trực tiếp đến hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị không gian văn hóa công chiêng.

b) Mục tiêu giải quyết những vấn đề

Chính sách nhằm tạo lập và củng cố điều kiện không gian thực hành di sản trong cộng đồng theo hướng bảo tồn có trọng tâm, đúng yếu tố gốc, phù hợp điều kiện thực tiễn, cụ thể:

Bảo tồn, tu bổ và từng bước khôi phục không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên gắn với nhà dài, bến nước, nghi lễ, lễ hội và cảnh quan truyền thống; bảo đảm duy trì sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường xuyên.

Giữ gìn yếu tố gốc, đặc trưng kiến trúc nhà dài truyền thống, bảo đảm tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình và định mức kinh tế – kỹ thuật trong bảo tồn, tu bổ, phục dựng theo quy định chuyên ngành.

Nâng cao vai trò chủ thể của cộng đồng, tạo điều kiện để người dân trực tiếp sử dụng, vận hành, gìn giữ không gian thực hành; tăng tính tự quản và trách nhiệm cộng đồng.

Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; đáp ứng định hướng, nhiệm vụ được xác định trong các chương trình, nghị quyết và đề án có liên quan của Trung ương và của tỉnh.

3.2. Giải pháp đề xuất và đánh giá tác động

Giải pháp 1: Chỉ hỗ trợ tu bổ tại các nhà văn hóa cộng đồng cấp xã/phường và các buôn/làng.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không phát sinh quy định mới.

- Tác động kinh tế- xã hội: Không bảo tồn được các "không gian thực hành gốc" là các nhà dài truyền thống của hộ gia đình; nguy cơ kiến trúc nhà dài trong cộng đồng biến mất trong tương lai.

Giải pháp 2 (lựa chọn): Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo, tu bổ và sửa chữa nhà dài truyền thống của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trong cộng đồng dân cư, bảo đảm giữ gìn yếu tố gốc, đặc trưng kiến trúc truyền thống; qua đó bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, hạn chế nguy cơ mai một, biến dạng hoặc mất dần trong cộng đồng. Mức hỗ trợ phục dựng, tu bổ tối đa không quá 1.000.000.000 đồng/nhà theo hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Xác lập cơ chế phối hợp giữa quyền sở hữu cá nhân và mục đích bảo tồn di sản của cộng đồng.

- Tác động kinh tế - xã hội: Khôi phục môi trường diễn xướng nguyên bản.

Bảo tồn cảnh quan và các yếu tố không gian truyền thống tại thôn, buôn gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gồm: rừng, bến nước, dòng suối/thác, cây cổ thụ, núi/đá linh thiêng và các yếu tố tự nhiên – nhân tạo có giá trị biểu tượng trong đời sống cộng đồng.

Hỗ trợ tu bổ, sửa chữa, cải tạo nhà dài truyền thống theo hồ sơ, thiết kế và phương án bảo tồn được phê duyệt; ưu tiên các nhà dài xuống cấp, có nhu cầu sử dụng thực tế làm nơi sinh hoạt cộng đồng, giao lưu văn hóa cộng đồng và truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Phục dựng, tái hiện nghi lễ và lễ hội tiêu biểu gắn với thực hành cộng đồng, bảo đảm đúng chủ thể, đúng bối cảnh và yếu tố gốc; kết hợp hướng dẫn, truyền dạy và tư liệu hóa theo cơ chế đồng thuận cộng đồng.

Nhà dài sau khi được tu bổ, cải tạo đúng yếu tố gốc và đặc trưng kiến trúc truyền thống sẽ trở thành địa điểm sinh hoạt cộng đồng ổn định, tạo điều kiện duy trì thường xuyên các hoạt động sinh hoạt, trình diễn, diễn tấu cộng đồng và truyền dạy trong cộng đồng. Đồng thời, chính sách góp phần bảo tồn di sản kiến trúc truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh, hạn chế nguy cơ xuống cấp, mai một, biến dạng và mất dần loại hình kiến trúc nhà dài trong đời sống cộng đồng.

Không gian văn hóa được cải thiện tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động văn hóa – du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thu hẹp chênh lệch mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, dân tộc, gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, Việc hỗ trợ sửa chữa nhà dài cá nhân bằng ngân sách nhà nước đòi hỏi cơ chế cam kết phức tạp để đảm bảo ngôi nhà đó vẫn phục vụ mục đích chung của cộng đồng.

- Tác động về giới: Không có

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh TTHC bắt buộc; quản lý qua hồ sơ thiết kế và cam kết dân sự giữa chính quyền địa phương và hộ gia đình được hỗ trợ.

4. Chính sách 4. Chính sách tư liệu hóa, kiểm kê, số hóa và cơ sở dữ liệu

4.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Xác định vấn đề

Hiện nay công tác tư liệu hóa, kiểm kê, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk còn nhiều bất cập, thể hiện trước hết ở tình trạng thông tin và tư liệu bị phân tán, rời rạc giữa các cơ quan quản lý, bảo tàng, địa phương, nghệ nhân và các nhóm nghiên cứu; dữ liệu thu thập theo nhiều đợt, nhiều dự án nhưng thiếu cơ chế tổng hợp thống nhất nên dễ trùng lặp, thiếu đồng bộ và khó tra cứu. Hoạt động kiểm kê ở một số nơi còn mang tính thời điểm, chưa cập nhật thường xuyên theo biến động của di sản, nhất là di sản văn hóa phi vật thể – vốn là “di sản sống” thay đổi theo cộng đồng thực hành, không gian văn hóa và bối cảnh xã hội. Bên cạnh đó, việc chuẩn hóa tiêu chí mô tả (metadata), định danh hồ sơ và phân loại di sản chưa đồng nhất, dẫn đến chất lượng hồ sơ không đều, khó liên thông và khó khai thác phục vụ quản lý nhà nước, giáo dục và phát huy giá trị.

Đối với nhóm di sản văn hóa phi vật thể gắn với cồng chiêng, các bất cập càng rõ nét do đặc thù di sản phụ thuộc mạnh vào bối cảnh thực hành (nghĩ lễ, cộng đồng, không gian, thời điểm). Nhiều tư liệu số hóa hiện mới dừng ở mức ghi âm/ghi hình đơn lẻ, chưa ghi nhận đầy đủ “ngữ cảnh văn hóa” như mục đích sử dụng, vai trò từng thành viên trong dàn chiêng, biến thể địa phương, tri thức đi kèm (chỉnh chiêng, truyền dạy, kiêng kỵ), nên giá trị khoa học và giá trị phục hồi thực hành còn hạn chế. Chất lượng thu âm, ghi hình chưa đáp ứng yêu cầu lưu trữ dài hạn và phục vụ nghiên cứu (thiếu thu âm chất lượng cao, thiếu thông tin kỹ thuật, thiếu chú giải), trong khi hạ tầng lưu trữ, sao lưu và phân quyền truy cập chưa được thiết kế bài bản, tiềm ẩn rủi ro thất lạc dữ liệu hoặc công khai chưa phù hợp với nội dung nhạy cảm/thiêng. Ngoài ra, nguồn nhân lực chuyên môn vừa am hiểu di sản vừa có năng lực số hóa – quản trị dữ liệu còn thiếu; kinh phí triển khai thường theo dự án ngắn hạn nên khó duy trì cập nhật liên tục. Một vấn đề đáng lưu ý khác là cơ chế đảm bảo quyền của cộng đồng chủ thể (đồng thuận, quyền sử dụng tư liệu, ghi nhận đóng góp và chia sẻ lợi ích) chưa được quy định và thực hiện đồng bộ, có thể dẫn đến tâm lý e ngại cung cấp tư liệu hoặc nguy cơ thương mại hóa, làm sai lệch ý nghĩa văn hóa của cồng chiêng khi đưa lên môi trường số.

b) mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện danh mục kiểm kê di sản phi vật thể (trong đó có công chiêng) theo biểu mẫu/thành phần thông tin; tập huấn cho cán bộ văn hóa cơ sở và nhóm cộng đồng về lập phiếu, thu âm/thu hình, nhập liệu, gắn nhãn quyền truy cập và thực hiện cập nhật định kỳ.

Xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa tư liệu (âm thanh, hình ảnh, bài chiêng, hồ sơ nghệ nhân, nghi lễ) giúp chuẩn hóa quản lý, hỗ trợ nghiên cứu – giáo dục – quảng bá, đồng thời tạo công cụ giám sát, đánh giá hiệu quả chính sách. Việc số hóa phải có biên bản đồng thuận của cộng đồng và cơ chế phân quyền quản trị nội dung liên quan nghi lễ.

4.2. Giải pháp đề xuất và đánh giá tác động

Giải pháp (lựa chọn): Hỗ trợ cộng đồng tham gia kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa (cung cấp thông tin, diễn xướng phục vụ ghi hình/ghi âm, lập phiếu kiểm kê): 200.000đồng/ buổi/người; Hỗ trợ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số về di sản công chiêng trên địa bàn tỉnh; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể; tuân thủ yêu cầu bảo vệ yếu tố thiêng và nguyên tắc không sai lệch theo Nghị định 215/2025/NĐ-CP.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: tăng tính khả thi của pháp luật về di sản và chuyển đổi số.

- Tác động kinh tế - xã hội: Lưu giữ vĩnh viễn di sản; hỗ trợ giáo dục di sản trực tuyến cho giới trẻ; Tăng sự tham gia thực chất của chủ thể (cung cấp thông tin, diễn xướng phục vụ ghi âm/ghi hình, xác minh dị bản), qua đó nâng chất lượng kiểm kê và tư liệu hóa.

Chính sách tư liệu hóa, kiểm kê, số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu di sản (trọng tâm di sản phi vật thể gắn với công chiêng) tạo ra tác động kinh tế – xã hội theo hướng tăng lợi ích dài hạn nhưng đòi hỏi quản trị rủi ro chặt chẽ. Về kinh tế, chính sách giúp tạo thêm việc làm và thu nhập tại chỗ (cộng đồng tham gia cung cấp thông tin/diễn xướng, quay - thu âm - biên tập, nhập liệu, quản trị hệ thống), đồng thời nâng hiệu quả chi ngân sách do dữ liệu được chuẩn hóa, lưu trữ tập trung và dùng lại cho nhiều mục đích, giảm trùng lặp dự án. Dữ liệu số cũng góp phần phát triển du lịch văn hóa và sản phẩm truyền thông - giáo dục nếu được khai thác đúng phạm vi.

Về xã hội, chính sách góp phần giữ gìn bản sắc, tăng gắn kết cộng đồng và truyền dạy cho thế hệ trẻ, đồng thời nâng kỹ năng số cho cán bộ và người dân. Tuy nhiên, rủi ro lớn là công bố sai phạm vi (đặc biệt nội dung thiêng), làm sai lệch bối cảnh khi ghi hình/biên tập và xâm phạm quyền riêng tư của người tham gia. Để giảm rủi ro, cần thực hiện 3 biện pháp cốt lõi: (1) lấy ý kiến và đồng thuận của chủ thể trước khi ghi và trước khi công khai; (2) phân tầng dữ liệu (công khai–hạn chế–nhạy cảm/thiêng) và kiểm soát truy cập; (3) chuẩn hóa quy trình số hóa (mô tả đúng bối cảnh, không cắt ghép sai, có xác nhận của chủ thể). Như vậy, nếu quản trị tốt quyền chủ thể và yếu tố thiêng, chính sách sẽ tạo tác động tích cực rõ rệt về kinh tế – xã hội và bền vững hơn trong dài hạn.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính. Phát sinh quy trình nội bộ trong các tác tổ chức triển khai thực hiện kiểm kê/

5. Chính sách 5. Chính sách hỗ trợ phát huy giá trị di sản gắn với du lịch cộng đồng.

5.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Xác định vấn đề

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, ngày càng nhiều du khách trong nước và quốc tế khi đến tham quan, học tập, nghiên cứu và du lịch trên địa bàn tỉnh mong muốn được trải nghiệm bản sắc văn hóa vùng miền, đặc biệt là xem và tham gia các hoạt động trình diễn, thực hành văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Tuy nhiên, hiện nay tại nhiều thôn/buôn vùng đồng bào DTTS tại chỗ, điều kiện tổ chức sinh hoạt văn hóa và đón tiếp khách du lịch còn nhiều hạn chế.

Trước hết, hạ tầng phục vụ sinh hoạt cộng đồng và điểm đến du lịch chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều nơi chưa có không gian sinh hoạt văn hóa chung đạt chuẩn (không gian diễn xướng, nhà sinh hoạt cộng đồng, điểm tập luyện), hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán, dẫn đến khó duy trì sinh hoạt thường xuyên. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông, điện, nước và hạ tầng điểm đến tại nhiều địa bàn còn thiếu và chưa đồng bộ, làm hạn chế khả năng tổ chức hoạt động thực hành công chiêng, giảm sức hấp dẫn điểm đến; đồng thời làm tăng chi phí tổ chức, khiến hiệu quả khai thác du lịch chưa cao.

Hai là, công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất phục vụ không gian văn hóa cộng đồng ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc hỗ trợ đầu tư còn manh mún, khó triển khai đồng bộ, khó nghiệm thu và duy tu, bảo trì. Thực tế cho thấy, nếu chỉ tập trung xây dựng công trình mà thiếu tiêu chí văn hóa, thiếu cơ chế quản lý vận hành/bảo trì và không gắn kết chặt chẽ với hoạt động thực hành công chiêng của cộng đồng, thì công trình dễ rơi vào tình trạng khai thác không thường xuyên, thậm chí “đề không”, hiệu quả đầu tư thấp.

Ba là, du lịch cộng đồng gắn với thực hành công chiêng còn phát triển tự phát, thiếu mô hình vận hành bền vững và thiếu “gói sản phẩm” trải nghiệm hoàn chỉnh. Nhiều nơi mới dừng ở biểu diễn đơn lẻ, chưa xây dựng được trải nghiệm đa dạng gắn với đời sống văn hóa – sinh kế địa phương. Năng lực của cộng đồng về đón tiếp, thuyết minh, quản trị an toàn và tổ chức dịch vụ còn hạn chế, dẫn đến chất lượng trải nghiệm không ổn định, khó tạo ấn tượng và khó giữ chân khách.

Bốn là, hoạt động truyền thông và kết nối thị trường còn yếu; sản phẩm khó tiếp cận doanh nghiệp lữ hành, kênh bán hàng chưa hiệu quả, thiếu câu chuyện/nhận diện điểm đến rõ ràng, vì vậy khó tạo dòng khách đều và khó mở rộng quy mô.

Năm là, cơ chế chia sẻ lợi ích trong cộng đồng chưa rõ ràng, dễ phát sinh mâu thuẫn giữa nghệ nhân - nhóm dịch vụ - hộ dân; đồng thời thiếu quỹ cộng đồng để tái đầu tư cho bảo tồn, duy trì hoạt động và hỗ trợ nghệ nhân. Nguy cơ “người làm nhiều hưởng ít” làm giảm động lực tham gia, ảnh hưởng tính bền vững của mô hình.

Sáu là, hoạt động khai thác du lịch gắn công chiêng hiện nay còn mang tính rời rạc và mùa vụ, chưa gắn kết chặt chẽ với các sự kiện/liên hoan văn hóa công chiêng cấp tỉnh để tạo điểm nhấn và hình thành “mùa” thu hút khách; do đó khó kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng chi tiêu của du khách.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Từ những bất cập nêu trên cho thấy, việc ban hành chính sách hỗ trợ đồng bộ là cần thiết nhằm tạo lập điều kiện nền tảng để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng gắn với phát triển du lịch bền vững. Theo đó, chính sách hướng tới hoàn thiện quy hoạch, bố trí quỹ đất và đầu tư hạ tầng thiết yếu, đồng thời hình thành không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng phù hợp đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán tại các thôn/buôn vùng DTTS tại chỗ. Bên cạnh đầu tư “phần cứng”, chính sách tập trung hỗ trợ “phần mềm” thông qua xây dựng và vận hành mô hình du lịch cộng đồng gắn thực hành công chiêng tiêu biểu, nâng cao năng lực cộng đồng về đón tiếp, thuyết minh, an toàn và tổ chức dịch vụ. Chính sách cũng đặt mục tiêu chuẩn hóa sản phẩm trải nghiệm, tăng cường truyền thông và kết nối thị trường để tạo dòng khách ổn định, nâng cao thời gian lưu trú và giá trị chi tiêu của du khách. Đồng thời, bảo đảm cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng, hình thành quỹ cộng đồng để tái đầu tư cho bảo tồn và hỗ trợ nghệ nhân, qua đó củng cố vai trò chủ thể của cộng đồng trong thực hành di sản. Việc gắn hoạt động mô hình với các sự kiện/liên hoan văn hóa công chiêng cấp tỉnh sẽ tạo điểm nhấn, hình thành “mùa” du lịch, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách trong giai đoạn 2026–2030.

5.2. Giải pháp đề xuất và đánh giá tác động

Giải pháp 1. Ban hành chính sách “hỗ trợ có trọng tâm” về cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất và các thiết chế đảm bảo không gian văn hóa cộng đồng: hỗ trợ theo danh mục quy định, nhưng tập trung hạng mục thiết yếu phục vụ thực hành và đón khách (điểm tập luyện/không gian diễn xướng/không gian sinh hoạt + hạ tầng tiếp cận thiết yếu) và tổ chức công tác đào tạo cho cộng đồng trong việc hướng dẫn du lịch và công tác truyền thông cơ bản & kết nối thị trường. Trong đó có điều kiện ràng buộc: cộng đồng đồng thuận; không trình diễn trái phong tục; không ép buộc nghệ nhân; có phương án chia sẻ lợi ích (ở mức khung); gắn với sự kiện/liên hoan cấp tỉnh theo kế hoạch năm.

- Tác động về hệ thống pháp luật: phù hợp với Luật di sản văn hóa

- Tác động về kinh tế- xã hội: cải thiện hạ tầng tối thiểu; nâng chất dịch vụ bước đầu; tăng khả năng giữ khách. Phù hợp trong điều kiện nguồn lực hạn chế, có thể tạo cải thiện bước đầu, song mức độ bền vững chưa cao vì chưa thiết kế đầy đủ cơ chế bảo tồn trong khai thác và cơ chế quỹ cộng đồng.

- Tác động về thủ tục hành chính: phát sinh hồ sơ nội bộ như: xây dựng đề án mô hình, kế hoạch đào tạo, báo cáo...

Giải pháp 2. Ban hành chính sách với các nội dung cụ thể sau:

- Hỗ trợ công tác quy hoạch; hỗ trợ đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm: giao thông, điện, nước; hạ tầng điểm đến; không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại

các thôn/buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc các xã, phường đã có quy hoạch và bố trí quỹ đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; bảo đảm phù hợp với đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện thực tế của địa phương (tiêu chí, mức hỗ trợ và danh mục hạng mục thực hiện theo Phụ lục II).

- Hỗ trợ xây dựng và vận hành mô hình du lịch cộng đồng gắn với thực hành di sản công chiêng tiêu biểu tại thôn/buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, nhằm quảng bá di sản và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

+ Nội dung hỗ trợ trọng tâm: (i) đào tạo kỹ năng đón tiếp - thuyết minh - an toàn; (ii) thiết kế sản phẩm trải nghiệm (công chiêng - múa xoang/điệu xường; ẩm thực; nghề thủ công/chế tác nhạc cụ; nông nghiệp - cà phê/sinh thái; trải nghiệm lễ hội khi phù hợp); (iii) truyền thông và kết nối thị trường; (iv) xây dựng quy ước bảo vệ yếu tố thiêng; (v) cơ chế chia sẻ lợi ích và quỹ cộng đồng.

+ Điều kiện hỗ trợ: có đề án/mô hình do cộng đồng đồng thuận; có phương án phân chia lợi ích; không tổ chức trình diễn trái phong tục, không ép buộc nghệ nhân; gắn sản phẩm với sự kiện/ liên hoan văn hóa công chiêng của tỉnh để tạo “mùa” thu hút khách.

- Tác động về hệ thống pháp luật: phù hợp với Luật di sản văn hóa đầy đủ: điều kiện, tiêu chí, vận hành, giám sát, bảo vệ yếu tố gốc của di sản)

- Tác động về kinh tế - xã hội: cải thiện hạ tầng, nâng chất dịch vụ bước đầu; tăng khả năng thu hút và giữ khách. Là phương án tối ưu về mặt mục tiêu bảo tồn gắn sinh kế bền vững, kiểm soát rủi ro thương mại hóa, bảo vệ nghệ nhân và tạo “mùa” du lịch; tuy nhiên cần nguồn lực lớn để đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức đào tạo hướng dẫn kỹ thuật, kỹ năng điều hành, phục vụ du khách và tăng cường năng lực điều phối, giám sát.

Chính sách này tạo điều kiện hỗ trợ du lịch cộng đồng phát triển, biến di sản thành nguồn lực kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập trực tiếp cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ thông qua trình diễn và dịch vụ trải nghiệm. Khơi dậy niềm tự hào dân tộc, ngăn chặn tình trạng "chảy máu công chiêng" và giảm nguy cơ mai một của các kiến trúc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Cùng cố khối đại đoàn kết, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội và ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai.

- Tác động về giới: Chính sách được thiết kế để đảm bảo cơ hội thụ hưởng không phân biệt giới tính. Khuyến khích sự tham gia của cả nghệ nhân nam và nữ, các thế hệ kế cận trong truyền dạy và thực hành di sản.

- Tác động về thủ tục hành chính: phát sinh hồ sơ nội bộ như: xây dựng đề án mô hình, kế hoạch đào tạo, báo cáo, giám sát; tuy nhiên không tạo TTHC bắt buộc đối với công dân theo nghĩa thủ tục hành chính.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp tối ưu được lựa chọn: Lựa chọn **Giải pháp 2** của tất cả các chính sách. Ban hành Nghị quyết mới với các cơ chế hỗ trợ gắn với kết quả, chuyển đổi số và bảo đảm quyền chủ thể của cộng đồng.

2. Lý do lựa chọn:

- Đảm bảo tính kế thừa và không gián đoạn chính sách sau năm 2025.
- Phù hợp hoàn toàn với Luật Di sản văn hóa 2024 và các Nghị định mới của Chính phủ (NĐ 215, NĐ 308).
- Tối ưu hóa nguồn ngân sách tỉnh, địa phương hàng năm; các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030.

IV. LẤY Ý KIẾN

1. Dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách được lấy ý kiến đối tượng tác động trực tiếp, phòng chuyên môn thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao bằng hình thức tổ chức cuộc họp và văn bản góp ý.

2. Dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách được lấy ý kiến các sở, ngành có liên quan như: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản góp ý.

3. Đăng và lấy ý kiến trên cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk.

1. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị và đối tượng chịu sự tác động của việc xây dựng Nghị quyết.

2. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh lấy ý kiến của các đối tượng liên quan đến việc xây dựng Nghị quyết.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: cơ quan chỉ đạo thực hiện: UBND tỉnh Đắk Lắk; cơ quan tổ chức thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Dân tộc và Tôn Giáo, UBND xã, phường; cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp.

2. Cơ quan giám sát việc thực hiện Nghị quyết: Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ Đại biểu HDND tỉnh, Đại biểu HDND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết, đề nghị HDND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- HDND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

